



qiánmiàn

*

shàngmiàn

*

pángbiān

*

hòumiàn

*

xiàmiàn

*

旁边

下面

后面

上面

前面

 LIVEWORKSHEETS

旁边

下面

后面

上面

前面

中间



between



in front of



behind



under / below



on



next to